

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 725/2026/TLST-VHNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Ông Lê Minh Q, sinh năm 1993. Căn cước công dân số: 074093009119. Địa chỉ: A, khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993. Căn cước công dân số: 074193001201. Địa chỉ: B L, tổ H, khu phố P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Lê Minh Q và bà Trần Nguyễn Ngọc T chung sống và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương (Nay là UBND phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 01/06/2018 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69/2018, ngày 01/06/2018. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Minh Q và bà Trần Nguyễn Ngọc T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông Lê Minh Q và bà Trần Nguyễn Ngọc T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] *Về con chung*: Ông Lê Minh Q và bà Trần Nguyễn Ngọc T có 02 con chung tên Lê Trần Hân D, sinh ngày 23/12/2018 và Lê Trần Dân H, sinh ngày 19/12/2020. Ông Q và bà T thỏa thuận sau khi ly hôn bà T sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Trần Hân D và Lê Trần Dân H.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông Q và bà T thỏa thuận ông Q sẽ cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Lê Trần Hân D và Lê Trần Dân H mỗi cháu là 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung tên Lê Trần Hân D và Lê Trần Dân H đủ 18 tuổi.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Q và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] *Về lệ phí sơ thẩm*: Ông Q và bà T mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), phù hợp quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Lê Minh Q và bà Trần Nguyễn Ngọc T thuận tình ly hôn.

1.2. *Về con chung*: Giao 02 con chung Lê Trần Hân D, sinh ngày 23/12/2018 và Lê Trần Dân H, sinh ngày 19/12/2020 cho bà Trần Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

1.3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông Q cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Lê Trần Hân D và Lê Trần Dân H mỗi cháu là 5.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ ngày 14/8/2026 cho đến khi con chung tên Lê Trần Hân D và Lê Trần Dân H đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cấm đoán, ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng người trực tiếp nuôi con không đáp ứng được quyền lợi của con.

1.4. *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Lê Minh Q và bà Trần Nguyễn Ngọc T tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Lê Minh Q và bà Trần Nguyễn Ngọc T mỗi người tự nguyện nộp số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0006323 ngày 30/7/2026 của Thị hành án dân sự Thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 15-TP. Hồ Chí Minh;
- CCTHADS TP. Hồ Chí Minh;
- UBND phường Thuận Giao, TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Thắm

TAND KHU VỰC 15



MYW140826.TL.QDBA
3016